TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H** ****** Số: 586/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc*** ---------- *B, ngày 27 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 546/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1943. Có hộ khẩu thường trú tại: số 986 đường L, phường N, quận B, thành phố H. Hiện ở tại: 17T8 đường H, quận C, thành phố H.

- Bị đơn: Bà **Lưu Thị L**, sinh năm 1945. Có hộ khẩu thường trú và ở tại: số 986 đường L, phường N, quận B, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 4 điều 147; điều 212; điều 213 và điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51,54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Ông Nguyễn Văn D và bà Lưu Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 10 năm 1975 tại Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh N (Giấy chứng nhận kết hôn số 383), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I - Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Văn D và bà Lưu Thị L.

II- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là:

- Chị Nguyễn Thị Đàm L, sinh năm 1977
- Chị Nguyễn Hương L, sinh năm 1979.

Các con chung đã trưởng thành, nên ông bà không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

2. Về tài sản chung, nhà đất ở chung: ông D và bà L xác nhận đã tự thỏa thuận phân chia với nhau xong, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

3. Về khoản nợ chung: ông D và bà L xác nhận không có. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: ông Nguyễn Văn D và bà Lưu Thị L thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

III- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND thành phố N, tỉnh N;
- VKSND Quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương